

Phú Thọ, ngày 13 tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh và hoạt động về lĩnh vực thiết bị y tế trong và ngoài tỉnh.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ có nhu cầu mua sắm vật tư, thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn. Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ trân trọng thông tin tới các hãng sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh và hoạt động về lĩnh vực thiết bị y tế trong và ngoài tỉnh cung cấp các thông tin về giá, khả năng cung cấp đối với vật tư thiết bị y tế (có danh mục đính kèm) làm cơ sở để Bệnh viện tổ chức xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và triển khai các công việc tiếp theo với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: ông Nguyễn Tuấn Anh - Trưởng phòng Vật tư TBYT, số điện thoại: 0868.246.688, email: bsanhvtytpt@gmail.com.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư TBYT, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ, đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - Nhận qua email: pvt.muasam2022@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h00' ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến trước 16h30' ngày 27 tháng 3 năm 2025 (trong giờ hành chính, trừ ngày nghỉ lễ, tết, thứ 7 và chủ nhật).
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư thiết bị y tế: Chi tiết theo phụ lục đi kèm.
- Địa điểm cung cấp vật tư thiết bị y tế: Bệnh viện đa khoa Tỉnh Phú Thọ.
- Thời gian thực hiện: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT, VTYT.



KỶ BỐT BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
PHÚ THỌ

PHỤ LỤC

MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 13/3/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên Vật tư TBYT cần mua sắm	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chỉ Premicon 2/0 2xHR26	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester PET, áo bao silicone số 2/0, tép 08 sợi (04 xanh + 04 trắng), dài 75cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, kim đen giúp làm giảm đáng kể sự phản quang trong phẫu trường. Lực căng kéo nút thắt 28.06 N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	96
2	Chỉ Premicon 2/0 2xHR26 pled	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester PET, áo bao silicone số 2/0, tép 08 sợi 04 xanh + 04 trắng, dài 75cm. 2 kim đen tròn, 1/2 vòng tròn dài 26mm, KIM CVPASS đen làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, khoan bằng laser, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone. Lực căng kéo nút thắt 28.06 N. Miếng đệm Firm PF6 100% PTFE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	240
3	Chỉ Optilene 3/0 2xHR26	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 3/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 17.66N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rối chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	72
4	Chỉ Optilene 4/0 2xHR26	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 11.58N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rối chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	144

STT	Tên Vật tư TBYT cần mua sắm	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
5	Chỉ Optilene 4/0 2xHR17	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 11.58N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rôi chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	144
6	Chỉ Optilene 5/0 2xHR13	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 7.16N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rôi chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	108
7	Chỉ Optilene 5/0 2xHR17	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 5/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 7.16N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rôi chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	144
8	Chỉ Optilene 6/0 2xDR10	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicone, lực căng kéo nút thắt 3.53N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rôi chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	108
9	Chỉ Optilene 7/0 2xDR10	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 7/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim	Sợi	72

STT	Tên Vật tư TBYT cần mua sắm	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 1.86N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rôi chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		
10	Chỉ Optilene 8/0 2xDR6	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 8/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 6mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 1.08N. Chỉ được quấn quanh khung nhựa giúp giảm hiệu ứng nhớ và chống rôi chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	36
11	Chỉ thép khâu xương ức số 5	Chỉ thép đơn sợi số 5, chất liệu 316L chỉ dài 45cm, tép 04 sợi, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 48mm. Kim Short Cutting phủ silicone. Giá trị trung bình lực căng kéo ≥ 11.40 Kgf. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO	Sợi	144
12	Chỉ điện cực cơ tim	Chỉ thép điện cực số 3/0, đóng gói 01 tép 2 sợi, 01 xanh + 01 trắng, dài 60cm, áo bao Polyethylene Blue. 02 đầu kim phủ silicone: kim cong 1/2 vòng tròn dài 13 mm, kim thẳng dài 51mm đầu tam giác. Tiêu chuẩn FDA, EC	Sợi	144
Tổng cộng: 12 danh mục				